

**SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ BUÔN ĐÔN**

Số: 576 /TTYT – KDTTBVTYT
V/v Yêu cầu báo giá gói thầu mua
thuốc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà
thầu cung cấp thuốc không trúng
thầu năm 2026.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ea Wer, ngày 10 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm y tế Buôn Đôn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu thuốc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc không trúng thầu năm 2026 của Trung tâm Y tế Buôn Đôn với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Buôn Đôn, địa chỉ: Thôn Ea Duát – Xã Ea Wer, tỉnh Đắk Lắk.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Thị Lý, SĐT: 0918690749. Email: lynguyenbvbuondon@gmail.com
- Cách thức nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại Trung tâm y tế Buôn Đôn (phòng Tổ chức – hành chính – kế toán).
 - Địa chỉ email: ttytbuondon@gmail.com nhận file mềm excel và bản scan. Tiêu đề ghi rõ: **Báo giá thuốc theo công văn /TTYT- KDTTBVTYT – Tên công ty báo giá.**
- Thời gian kết thúc nhận báo giá: 16 giờ 00 ngày 24 / 9 / Năm 2026.
Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn hiệu có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 12 tháng, kể từ ngày ký.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục hàng hoá: chi tiết bảng mô tả đính kèm.
 - Địa điểm cung cấp: Tại kho thuốc của Trung tâm y tế Buôn Đôn.
 - Báo giá đã bao gồm thuế VAT và chi phí giao hàng tại kho thuốc của Trung tâm Y tế Buôn Đôn.
 - Quý công ty vui lòng cung cấp hợp đồng trúng thầu làm căn cứ báo giá
- Hồ sơ báo giá: Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin theo mẫu tại phụ lục 2, ký và đóng dấu.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KD

GIÁM ĐỐC



Đoàn Quốc Dân

DANH MỤC THUỐC GENERIC

(kèm theo công văn số: 536 TTYT – KDTTBVTYT ngày 10/9/2026 của TTYT
Buôn Đôn).

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	GN26002	Diazepam	N1,N2,N3,N4,N5	5mg	Uống	Viên	Viên	450
2	GN26003	Diazepam	N1,N2,N3,N4,N5	10mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	130
3	GN26004	Fentanyl	N1,N2,N3,N4,N5	0,05mg/ml; 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	430
4	GN26006	Ketamin	N1,N2,N3,N4,N5	50mg/ml; 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	50
5	GN26011	Pethidin hydroclorid	N1,N2,N3,N4,N5	50mg/ml; 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	200
6	GN26017	Lidocain + epinephrin (adrenalin)	N1,N2,N3,N4,N5	(36mg+18, 13mcg)/1,8 ml; 1,8ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	1.000
7	GN26019	Suxamethonium clorid	N1,N2,N3,N4,N5	100mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	25
8	GN26021	Diclofenac	N1,N2,N3,N4,N5	50mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	61.000
9	GN26027	Paracetamol	N1,N2,N3,N4,N5	250mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống hòa tan nhanh	Gói/Túi	35.500
10	GN26029	Paracetamol	N1,N2,N3,N4,N5	325mg	Uống	Viên	Viên	13.000
11	GN26033	Paracetamol + tramadol	N1,N2,N3,N4,N5	325mg+37, 5mg	uống	Viên nang	Viên	32.000
12	GN26038	Urea	N1,N2,N3,N4,N5	20%; 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	80
13	GN26048	Albendazol	N1,N2,N3,N4,N5	200mg	Uống	Viên	Viên	100
14	GN26056	Amoxicilin + Acid clavulanic	N1,N2,N3,N4,N5	875mg+12 5mg	Uống	Viên	viên	40.000
15	GN26061	Amoxicillin + Acid Clavulanic	N1,N2,N3,N4,N5	500mg + 100mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	300
16	GN26063	Ceftizoxim	N1,N2,N3,N4,N5	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	6.500

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
17	GN26084	Metronidazol	N1,N2,N3,N4,N5	250mg	Uống	Viên	Viên	40.000
18	GN26086	Azithromycin	N1,N2,N3,N4,N5	100mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi/Chai/Lọ/Ống	1.000
19	GN26089	Tretinoin + Erythromycin	N1,N2,N3,N4,N5	(0,025% + 4%)/30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	60
20	GN26096	Sulfamethoxazol + trimethoprim	N1,N2,N3,N4,N5	200mg+40mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	3.000
21	GN26098	Aciclovir	N1,N2,N3,N4,N5	3% (w/w)-5g	tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	lọ	10
22	GN26099	Aciclovir	N1,N2,N3,N4,N5	800mg	Uống	Viên	Viên	3.000
23	GN26109	Dequalinium clorid	N1,N2,N3,N4,N5	10mg	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	300
24	GN26110	Econazol	N1,N2,N3,N4,N5	150mg	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	500
25	GN26112	Dihydroergotamin mesylat	N1,N2,N3,N4,N5	3mg	Uống	Viên nang	Viên	2.000
26	GN26126	Trimetazidin	N1,N2,N3,N4,N5	20mg	Uống	Viên	Viên	12.000
27	GN26133	Captopril	N1,N2,N3,N4,N5	25mg	Uống	Viên	Viên	19.375
28	GN26136	Felodipin	N1,N2,N3,N4,N5	5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	30.000
29	GN26144	Amiodaron hydroclorid	N1,N2,N3,N4,N5	200mg	Uống	Viên	Viên	200
30	GN26146	Acetylsalicylic acid	N1,N2,N3,N4,N5	81mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	5.000
31	GN26154	Diethylphtalat	N1,N2,N3,N4,N5	9,5g/ lọ 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Tube	200
32	GN26155	Mupirocin	N1,N2,N3,N4,N5	2%/5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	300
33	GN26157	Betamethason	N1,N2,N3,N4,N5	0,5mg/1g; 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	1.200

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
34	GN261 58	Đồng sulfat	N1,N2, N3,N4, N5	0,1g/50g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	2.000
35	GN261 79	Dexamethason	N1,N2, N3,N4, N5	0.5mg	uống	Viên	Viên	20.000
36	GN261 84	Metformin	N1,N2, N3,N4, N5	500mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	70.000
37	GN262 08	Vinpocetin	N1,N2, N3,N4, N5	5mg	Uống	Viên	Viên	10.000
38	GN262 16	Aminophylin	N1,N2, N3,N4, N5	4,8%/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	250
39	GN262 19	Salbutamol sulfat	N1,N2, N3,N4, N5	2,5mg/2,5 ml	Đường hô hấp	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Ống/C hai/ Lọ	1.000
40	GN262 20	Salbutamol	N1,N2, N3,N4, N5	0,5mg/ml; 1 ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	50
41	GN262 23	Salmeterol + fluticason propionat	N1,N2, N3,N4, N5	(25+250)m cg/liều - 120 liều	Hít qua đường miệng	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình /Hộp/ Chai/ Lọ/ Ống	100
42	GN262 32	Kali clorid	N1,N2, N3,N4, N5	500mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	12.000
43	GN262 43	Methyl ergometrin maleat	N1,N2, N3,N4, N5	0,2mg/ml; 1 ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	150
44	GN262 50	Phytomenadion (Vitamin K1)	N1,N2, N3,N4, N5	10mg/ml; 1 ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	100
45	GN262 61	Vitamin B1 + B6 + B12	N1,N2, N3,N4, N5	100mg + 100mg + 150mcg	Uống	Viên	Viên	47.000
46	GN262 69	Ethambutol	N1,N2, N3,N4, N5	400mg	Uống	Viên	Viên	25.000
47	GN262 70	Isoniazid	N1,N2, N3,N4, N5	150mg	Uống	Viên	Viên	600
48	GN262 71	Isoniazid	N1,N2, N3,N4, N5	300mg	Uống	Viên	Viên	1.200
49	GN262 72	Rifampicin	N1,N2, N3,N4, N5	150mg	Uống	Viên nang	Viên	600

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
50	GN26274	Rifampicin + Isoniazid	N1,N2,N3,N4,N5	150mg+100mg	Uống	Viên	Viên	22.000
51	GN26275	Pyrazinamid	N1,N2,N3,N4,N5	500mg	Uống	Viên	Viên	1.000
52	GN26276	Streptomycin	N1,N2,N3,N4,N5	1g	tiêm	Thuốc tiêm	lọ	120
53	GN26122	Gelatin succinyl + natri clorid + natri hydroxyd	N1,N2,N3,N4,N5	500ml	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Chai/Túi/Bịch	20
54	GN26222	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	N1,N2,N3,N4,N5	100mcg/liều xịt; 200 liều	Đường hô hấp	Thuốc hít định liều	Bình	600

DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ KẾT HỢP DƯỢC CHẤT VỚI CÁC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN

(kèm theo công văn số: 536/TTYT – KDTTBVTTYT ngày 10/9/2026 của TTYT

Buôn Đôn).

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số lượng
1	TP2603	Actiso, Rau đắng/Rau đắng đất, Bìm bìm/Dứa gai.	N1,N2,N3,N4		Uống	viên	viên	11.000
2	TP2608	Lá sen, Lá vông nem, Lạc tiên, Bình vôi, Trinh nữ	N1,N2,N3,N4		Uống	viên	Viên	45.000
3	TP2622	Hoàng kỳ, Đương quy, Kỷ tử.	N1,N2,N3,N4		Uống	viên	Viên	86.000

Công ty:.....
Số điện thoại lên lạc:

BẢO GIÁ
Kính gửi: TRUNG TÂM Y TẾ BUỒN ĐÓN

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số /TTYT-KDTTBVTYT ngày tháng 9 năm 2026 của TRUNG TÂM Y TẾ BUỒN ĐÓN, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các nội dung mua sắm như sau:

Theo nội dung văn bản yêu cầu báo giá										Thông tin báo giá						Căn cứ báo giá				Đơn vị: VNĐ
STT	STT theo danh mục yêu cầu báo giá	Hoạt chất	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách đóng gói	Tên thương mại	NSX- Nước SX	Số giấy phép đăng ký lưu hành/giấy y phép nhập khẩu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (+VAT)	Giá bán buôn thuộc dự kiến công bố, công bố lại (nếu có)	Nhóm kỹ thuật	Tên CSYT trúng thầu	Số quyết định trúng thầu	Ngày quyết định	Số lượng trúng thầu	Đơn giá trúng thầu	
STT																				

1. Báo giá này có hiệu lực trong vòng, kể từ ngày ký.

2. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh danh hoặc các tài liệu
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin trong báo giá là trung thực.

..... ngày tháng năm
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

